

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2023

V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi
ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hà Quang Văn.
- Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐ-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 5, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Duy B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn C, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Chị Phạm Thị Th trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và Anh Trần Duy B kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 26/8/2002. Sau khi cưới anh chị

sinh sống tại Thôn C, xã Gi. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau thậm chí anh Bàn còn bạo lực đối với chị, nhiều lần chính quyền hòa giải nhưng anh Bàn vẫn không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân, hiện nay chị cùng các con về sinh sống tại nhà bố mẹ chị ở xã Gi, huyện N, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân và gia đình không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thực sự sâu sắc không còn khả năng hàn gắn, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Th xác định chị và anh Bàn có 04 con chung: Cháu Trần Thị Thu Phsinh 07/8/2003, cháu Trần Thị Thúy Lsinh ngày 14/8/2006, cháu Trần Thị Lan A sinh ngày 03/8/2012, cháu Trần Thị Minh Hsinh ngày 11/02/2018. Hiện nay cháu Ph đã trưởng thành tự lập, cháu L cũng bỏ học đi làm thêm. Cháu Lan A và cháu H đang ở với chị Th. Chị Th xin tiếp tục nuôi cả các cháu. Chị Th yêu cầu anh Bàn cấp dưỡng cho hai cháu Lan A và cháu H mỗi cháu 1500.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến Anh Trần Duy B thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2023: Anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như chị Th trình bày là đúng. Theo anh mâu thuẫn giữa anh và chị Bàn xuất phát từ kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng xảy ra bất hòa, chị Th đã dẫn các con về nhà bố mẹ đẻ tại xã Gi, huyện N ở. Anh đã lên nói chuyện với chị Th đề nghị chị về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th không về. Nay chị Th xin ly hôn với anh thì anh không muốn, tuy nhiên chị Th cương quyết thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh xác định có 04 con chung như chị Th trình bày, đối với Cháu Trần Thị Thu Ph sinh 07/8/2003 đã trưởng thành tự lập, anh đồng ý cho chị Th tiếp tục nuôi cả 03 cháu: Trần Thị Thúy L sinh ngày 14/8/2006, Trần Thị Lan A sinh ngày 03/8/2012, Trần Thị Minh H sinh ngày 11/02/2018. Do mắt anh kém nên cũng không đi làm thuê được, vì vậy anh không thể cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị cho anh được vắng mặt tại phiên xét xử vụ án giữa anh và chị Th.

Ý kiến các cháu Trần Thị Thúy L, Trần Thị Lan A, Trần Thị Minh H: Các cháu xin tiếp tục ở với mẹ là Chị Phạm Thị Th để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản xác minh ngày 02/8/2023 giữa Tòa án nhân dân huyện N và UBND xã Gi, kết quả như sau: Chị Phạm Thị Th và Anh Trần Duy B kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã. Về

mâu thuẫn của anh chị là do những va chạm trong cuộc sống, cũng xuất phát từ kính tế gia đình khó khăn, vợ chồng không thống nhất được, dẫn đến cãi chửi thậm chí đánh nhau. Chính quyền cũng nhiều lần hòa giải, góp ý nhưng không hiệu quả. Anh chị có 04 con chung, hiện các cháu theo chị Th về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã Gi sinh sống. Anh chị là lao động tự do tại địa phương, hiện chị Th đi làm thuê, còn anh Bàn do mắt kém nên đang ở nhà chưa đi làm ở đâu.

Tại đơn xin xử vắng mặt, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên về cấp dưỡng nuôi con chung chị Th xin thay đổi, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Th. Xử lý hôn giữa Chị Phạm Thị Th và Anh Trần Duy B.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao các cháu: Trần Thị Thúy L sinh ngày 14/8/2006, Trần Thị Lan A sinh ngày 03/8/2012, Trần Thị Minh H sinh ngày 11/02/2018, cho chị Th tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Th và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, cãi chửi, đánh nhau và chính quyền địa phương đã phải can thiệp. Hai bên đã ly thân thời gian dài, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh B là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị Th và anh B có 04 con chung là Cháu Trần Thị Thu Phsinh 07/8/2003, cháu Trần Thị Thúy Lsinh ngày 14/8/2006, cháu Trần Thị Lan A sinh ngày 03/8/2012, cháu Trần Thị Minh Hsinh ngày 11/02/2018. Hiện

nay cháu Phương đã trưởng thành tự lập, cháu Lan cũng bỏ học đi làm thêm. Cháu Lan Anh và cháu Hằng đang ở với chị Th. Nguyên vọng của chị Th xin tiếp tục nuôi cả các cháu và không yêu cầu anh Bàn cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th khỏe mạnh, có thu nhập, các cháu đều có nguyên vọng ở với chị Th, anh Bàn hiện sức khỏe kém không có thu nhập, bản thân anh cũng đồng ý cho chị Th tiếp tục nuôi các cháu. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định cho các cháu cũng như đảm bảo quyền và lợi ích cho các cháu nên tiếp tục giao cả 03 cháu cho chị Th chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do chị Th không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho Chị Phạm Thị Th ly hôn với Anh Trần Duy B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao các cháu: Trần Thị Thúy L sinh ngày 14/8/2006, Trần Thị Lan A sinh ngày 03/8/2012, Trần Thị Minh H sinh ngày 11/02/2018, cho chị Th tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

2.2. Anh Trần Duy B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000299 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Gi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH